

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **09/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 20-5-2020

*“V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Ngọc Bích

2. Ông Bùi Minh Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Sang- Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2020/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị Ngọc Tr, sinh năm 1985 (có mặt);

Địa chỉ: ấp YL, xã NY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Trương Ngọc Th, sinh năm 1984 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp BT, xã NY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 21/10/2019 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Phan Thị Ngọc Tr trình bày và yêu cầu như sau:*

Chị và anh Trương Ngọc Th chung sống với nhau vào ngày 25 tháng 02 năm 2008, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã NY, huyện AB, tỉnh

Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn. Quá trình chung sống chị và anh Trương Ngọc Th có 01 người con chung tên Trương Ngọc L, sinh ngày 16/12/2008 hiện nay đang chung sống với chị; về tài sản chung, chị và anh Trương Ngọc Th không có tài sản chung, không có nợ người khác và người khác không có nợ anh chị. Thời gian chung sống chị và anh Trương Ngọc Th thường xuyên cự cãi với nhau, nguyên nhân anh Trương Ngọc Th không lo làm ăn, khắt khe với vợ nên anh chị sống không hạnh phúc. Đến ngày 15/9/2019 chị và anh Trương Ngọc Th không còn sống chung với nhau đến nay. Chị thấy, chị và anh Trương Ngọc Th không còn tình cảm, chị yêu cầu Tòa giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân, chị yêu cầu được ly hôn với anh Trương Ngọc Th. Về quan hệ con chung, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Trương Ngọc L, sinh ngày 16/12/2008 theo nguyện vọng của con, chị không yêu cầu anh Trương Ngọc Th cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, chị và anh Trương Ngọc Th không có tài sản chung, không tranh chấp, chị không yêu cầu giải quyết. Về nợ, chị và anh Trương Ngọc Th không có nợ người khác và người khác không có nợ anh chị, chị không yêu cầu giải quyết.

** Tại đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết và xét xử ngày 07/5/2020, bị đơn anh Trương Ngọc Th trình bày:*

Anh thống nhất theo yêu cầu của chị Phan Thị Ngọc Tr, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết gì thêm cho anh, do anh bận công việc gia đình nên anh xin vắng mặt trong quá trình giải quyết và xét xử.

** Tại bản trình bày nguyện vọng ngày 26/02/2020, Trương Ngọc L trình bày:*

Cha của Trương Ngọc L là Trương Ngọc Th và mẹ là Phan Thị Ngọc Tr, từ khi cha mẹ của Trương Ngọc L ly thân đến nay Trương Ngọc L chung sống với mẹ. Tòa án giải quyết cho cha mẹ của Trương Ngọc L ly hôn thì Trương Ngọc L có nguyện vọng chung sống với mẹ là Phan Thị Ngọc Tr.

** Tại biên bản xác minh ngày 25 tháng 02 năm 2020, về nguyên nhân mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân:*

Chị Phan Thị Ngọc Tr và anh Trương Ngọc Th chung sống với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NY, anh chị có 01 người con tên Trương Ngọc L hiện nay đang chung sống với chị Tr và đi học. Thời gian chung sống chị Tr và anh Th thường xuyên đi cự cãi với nhau do anh Th không lo làm ăn mà khắt khe với vợ nên anh chị đã ly thân nhau gần 01 năm nay.

** Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm: Sổ hộ khẩu,*

Giấy chứng minh nhân dân Phan Thị Ngọc Tr, Trích lục kết hôn Phan Thị Ngọc Tr và Trương Ngọc Th, Trích lục khai sinh Trương Ngọc L, Đơn xin xác nhận tình trạng cư trú của đương sự ngày 17/10/2019, Bản trình bày nguyện vọng ngày 26/02/2020 của Trương Ngọc L, Biên bản xác minh ngày 25 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện An Biên.

** Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn chị Phan Thị Ngọc Tr yêu cầu được ly hôn với anh Trương Ngọc Th. Về quan hệ con chung, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Trương Ngọc L, sinh ngày 16/12/2008 theo nguyện vọng của con, chị không yêu cầu anh Trương Ngọc Th cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ, chị và Trương Ngọc Th không có tài sản chung, không có nợ người khác và người khác không có nợ anh chị nên chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Trương Ngọc Th có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện các thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, xác định mối quan hệ pháp luật, đưa tư cách đương sự tham gia tố tụng, về thu thập tài liệu, chứng cứ chứng minh, tổng đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát đúng trình tự thủ tục và thời gian quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 48, Điều 51, Điều 68, các Điều 208, 209, 210, 211, 239 và Điều 247 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét đơn khởi kiện của chị Phan Thị Ngọc Tr yêu cầu được ly hôn với anh Th, khi ly hôn chị Tr yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, anh Th cũng đồng ý là có căn cứ chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Tr được ly hôn với anh Th và giao con chung của anh chị tên Trương Ngọc L, sinh ngày 16/12/2008 cho chị Tr tiếp tục nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 56, Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Chị Tr không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không xem xét; về tài sản chung và nợ chị Tr và anh Th xác định không có, không yêu cầu giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Phan Thị Ngọc Tr yêu cầu được ly hôn với anh Trương Ngọc Th và tranh chấp về nuôi con, các đương sự đều cư trú tại xã NY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang nên xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã giao các văn bản tố tụng hợp lệ cho anh Th nhưng anh Th không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Tòa án tổ chức và thông báo cho các bên đương sự để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, anh Th vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Như vậy, đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại Điều 206 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh Th có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết và xét xử. Đồng thời, tại phiên tòa chị Tr không yêu cầu hoãn phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Th theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân, chị Phan Thị Ngọc Tr và anh Trương Ngọc Th chung sống với nhau vào ngày 25 tháng 02 năm 2008, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (*Ủy ban nhân dân xã NY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang là nơi cư trú của anh chị*) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 25 tháng 02 năm 2008, anh chị đảm bảo các điều kiện kết hôn khác theo quy định của pháp luật là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nay là Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu của chị Phan Thị Ngọc Tr được ly hôn với anh Trương Ngọc Th, thời gian anh chị chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn cự cãi với nhau, nguyên nhân anh Th không lo làm ăn, khát khe với vợ nên anh chị sống không hạnh phúc, anh chị không còn sống chung với nhau từ ngày 15/9/2019 đến nay. Anh Th cũng thống nhất theo yêu cầu của chị Tr nhưng anh Th không tham gia phiên họp và phiên tòa, có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt nên không thể ghi nhận sự tự nguyện tình ly hôn giữa chị Tr và anh Th được. Do đó, Hội đồng

xét xử chấp nhận đề nghị Kiểm sát viên và yêu cầu khởi kiện của chị Tr, cho chị Phan Thị Ngọc Tr được ly hôn với anh Trương Ngọc Th là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung, chị Tr và anh Th có 01 người con chung tên Trương Ngọc L, sinh ngày 16 tháng 12 năm 2008 đang chung sống với chị Tr, khi ly hôn chị Tr yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Anh Th đồng ý theo yêu cầu của chị Tr do anh Th vắng mặt nên không thể ghi nhận việc thỏa thuận nuôi con của chị anh được. Đồng thời, con chung của có nguyện vọng được chung sống với mẹ là chị Tr. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, yêu cầu của chị Tr, ý kiến của anh Th và nguyện vọng của con anh chị, giao con chung của anh chị tên Trương Ngọc L, sinh ngày 16 tháng 12 năm 2008 cho chị Tr tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được, theo nguyện vọng của con anh chị là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị Tr không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ, chị Tr xác định, anh chị không có tài sản chung, không nợ người khác, người khác không nợ anh chị và anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu nhưng được trừ vào số tiền đã tạm ứng án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 206, khoản 1 Điều 227, Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 241, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phan Thị Ngọc Tr được ly hôn với anh Trương Ngọc Th.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung của anh chị tên Trương Ngọc L, sinh ngày 16 tháng 12 năm 2008 cho chị Tr tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được, theo nguyện vọng của con anh chị, con của anh chị hiện nay đang chung sống với chị Tr.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Tr không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ: Chị Phan Thị Ngọc Tr xác định anh chị không có tài sản chung, không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị và anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

5. Về án phí: Buộc chị Phan Thị Ngọc Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0008399 ngày 15 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Chị Phan Thị Ngọc Tr đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

6. Bảo quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 20/5/2020. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- UBND xã Nam Yên;
- Các đương sự;
- Lưu: HSPA, VP (Sang).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Thảo